

DANH SÁCH LỚP 10A5 - NĂM HỌC 2026 - 2027 (lớp Chọn Tổ hợp 3)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
1	Nguyễn Gia	An	6/2/2011	24.00	6.25	2.75	6	15	39.00	10A5
2	Phạm Ngọc	Anh	23-09-2011	24.00	9.25	3.5	7	19.75	43.75	10A5
3	Huỳnh Ngọc Minh	Anh	15-08-2011	24.25	6.5	7.5	5	19	43.25	10A5
4	Lương Thế	Anh	20-04-2011	24.75	5.75	5	5.5	16.25	41.00	10A5
5	Trương Phạm Ngọc	Ánh	06-01-2011	20.75	5.25	4.5	6.5	16.25	37.00	10A5
6	Nguyễn Quốc	Bảo	01-04-2011	26.25	8.25	7	7.25	22.5	48.75	10A5
7	Đào Gia	Bảo	04-08-2011	21.25	4.25	8	5	17.25	38.50	10A5
8	Lê Gia	Bảo	19-03-2011	20.25	8.25	5	4	17.25	37.50	10A5
9	Huỳnh Ngô Bảo	Châu	02-08-2011	24.50	5.75	4	6.5	16.25	40.75	10A5
10	Phùng Ngọc Khánh	Đan	10-03-2011	22.50	5.5	6	4.75	16.25	38.75	10A5
11	Nguyễn Trần Tuấn	Đạt	22-12-2011	23.25	7.75	7.5	6.25	21.5	44.75	10A5
12	Phạm Trần Mỹ	Duyên	12-05-2011	23.75	5.25	4	7.5	16.75	40.50	10A5
13	Trần Bảo Ninh	Giang	16-05-2011	22.50	7.5	5.5	3.75	16.75	39.25	10A5
14	Lê Thanh	Giang	14-07-2011	21.50	8.25	4	4.25	16.5	38.00	10A5
15	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	05-06-2011	24.25	5	4.5	5.25	14.75	39.00	10A5
16	Phạm Gia	Hân	21-10-2011	25.50	8.25	5	6.25	19.5	45.00	10A5
17	Đậu Minh	Hiếu	13-08-2011	24.50	7	2.5	7.5	17	41.50	10A5
18	Hoàng Gia	Hiếu	05-03-2011	23.75	4.75	5.5	5.75	16	39.75	10A5
19	Đinh Nho Đức	Huy	10-11-2011	21.25	3	5	5.5	13.5	34.75	10A5
20	Lê Phạm Khánh	Huyền	05-05-2011	24.50	5	4.5	6.75	16.25	40.75	10A5
21	Bạch Hoàng	Khánh	25-12-2011	25.25	3.5	5	6.25	14.75	40.00	10A5
22	Văn Bá	Khoa	28-05-2011	23.50	8.5	4	6.5	19	42.50	10A5
23	Nguyễn Anh	Khoa	26-04-2011	23.50	3.75	5	5.5	14.25	37.75	10A5
24	Lê Trần Mỹ	Kim	07-10-2011	22.25	4.5	6	5.75	16.25	38.50	10A5
25	Nguyễn Tường	Lam	18-11-2011	23.25	6.5	2.5	6	15	38.25	10A5
26	Vũ Hứa Nhật	Minh	09-09-2011	24.50	7.25	3	7.25	17.5	42.00	10A5
27	Nguyễn Hoàng Diễm	My	04-11-2011	22.50	6.5	4	4.25	14.75	37.25	10A5
28	Trịnh Bảo	Ngọc	01-06-2011	23.75	6.5	6.25	5.75	18.5	42.25	10A5
29	Nguyễn Bảo	Ngọc	03-09-2011	21.00	8.25	6.5	5.75	20.5	41.50	10A5
30	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	06-01-2011	23.50	3.5	4.75	6.5	14.75	38.25	10A5
31	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	09-12-2011	24.50	7.5	6.5	5.75	19.75	44.25	10A5

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
32	Ngô Tuệ	Nhi	05-09-2011	23.25	5.5	3.25	7.75	16.5	39.75	10A5
33	Kiều Thị Yên	Nhi	29-10-2011	23.00	4.5	4.25	5.25	14	37.00	10A5
34	Võ Tấn	Phát	18-09-2011	26.75	7.25	4.25	7.25	18.75	45.50	10A5
35	Lê Hoàng	Phúc	27-07-2011	23.50	6.5	3	5.75	15.25	38.75	10A5
36	Nguyễn Thái	Sơn	03-03-2011	23.25	5.25	5.25	7	17.5	40.75	10A5
37	Mai Xuân	Thắng	19-09-2011	22.75	5.75	4	6	15.75	38.50	10A5
38	Trần Ngọc Dạ	Thảo	20-05-2011	24.50	4.25	3	5.75	13	37.50	10A5
39	Trần Thị Thanh	Thảo	01-06-2011	21.25	4.5	3	6.25	13.75	35.00	10A5
40	Phạm Ngọc Duy	Thiện	04-06-2011	24.00	6.75	2.5	5.5	14.75	38.75	10A5
41	Nguyễn Trần Anh	Thư	03-05-2011	25.25	6.75	5	6	17.75	43.00	10A5
42	Trần Lê Anh	Thư	12-03-2011	21.75	2.75	6.5	4.5	13.75	35.50	10A5
43	Nguyễn Hoài	Thương	22-06-2011	25.75	7.75	1.5	6.25	15.5	41.25	10A5
44	Nguyễn Cao Phương	Thùy	29-06-2011	25.25	7	5	6	18	43.25	10A5
45	Phạm Phương	Trúc	27-09-2011	22.25	7	6.25	5	18.25	40.50	10A5
46	Nguyễn Minh	Tú	16-02-2011	23.25	6.75	9	7.75	23.5	46.75	10A5
47	Hoàng Quốc	Việt	23-09-2011	23.50	4	3	6.5	13.5	37.00	10A5
48	Vũ Đức Hải	Dương	HÒA NHẬP							10A5